

Bản án số: 12/2024/HS-ST
Ngày 11-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Cao Biên và ông Nguyễn Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 416/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 414/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

NGUYỄN QUANG H1, sinh năm 1993; ĐKKHKT: Khu phố V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu N và bà Phạm Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giam: từ ngày 25/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Triệu Văn T1, sinh năm 2001; nơi cư trú: thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T1: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Bá H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số A Ngõ V, phường V,

quận Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt;

- Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1970; nơi cư trú: Khu phố V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quang H1 không phải là nhân viên của công ty nào có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động, H1 tự vào các trang mạng xã hội quảng cáo tuyển dụng lao động Nhật Bản tìm thông tin các đơn hàng. H1 sử dụng thông tin quảng cáo, tự đăng bài trên trang Zalo, Facebook để tìm lao động có nhu cầu tham gia, sau đó giới thiệu cho các công ty có chức năng đưa người đi lao động nước ngoài để lấy tiền công giới thiệu.

Khoảng đầu năm 2022, do cần tiền trả nợ, H1 nảy sinh ý định lợi dụng các thông tin đơn hàng giới thiệu với người lao động để chiếm đoạt tiền của họ. Qua mạng xã hội Z, H1 quen biết anh Nguyễn Đình T2, sinh năm 1990; nơi cư trú: Trại S, thôn N, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội; anh T2 là cán bộ tuyển dụng lao động của Công ty cổ phần Q, địa chỉ: N số A X, quận C, thành phố Hà Nội. Anh T2 giới thiệu với H1 đơn hàng xuất khẩu lao động tại Nhật Bản “Linh kiện ô tô ở G” của Công ty Cổ phần N2 - Chi nhánh H3 (sau đây gọi tắt là Công ty G), địa chỉ: Số H, Tòa nhà B, Khu Đô thị E, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên, thời gian xuất cảnh khoảng tháng 11-12 năm 2022. Sau khi lấy được thông tin đơn hàng, H1 đăng thông tin lên mạng xã hội Zalo “Mirai Huy” để tìm lao động tham gia.

Anh Triệu Văn T1 là người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động Nhật Bản, được người quen giới thiệu làm quen với ông Nguyễn Bá H là nhân viên của Công ty G1, địa chỉ: Số B L, quận N, thành phố Hà Nội, chuyên tuyển dụng người, giới thiệu người cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực đưa người đi lao động ở nước ngoài. Anh T1 nhờ ông H tìm giúp đơn hàng để đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Qua mạng xã hội Z, ông H biết đến đơn hàng “Linh kiện ô tô ở G” do H1 đăng tải, giới thiệu. H1 thông báo với ông H về thông tin đơn hàng, yêu cầu mỗi lao động phải nộp 4.300 USD, H1 thỏa thuận với ông H nếu giới thiệu được lao động tham gia đơn hàng thành công thì ông H sẽ nhận được số tiền 30.000.000 đồng (tương đương 1.500 USD) tiền công giới thiệu. Sau khi nhận được thông tin đơn hàng từ H1, ông H trao đổi lại với anh T1, anh T1 đồng ý tham gia đơn hàng trên.

Ngày 23/3/2022, H1 hẹn gặp ông H và anh Tĩnh tại trụ sở Văn phòng giao dịch Công ty Cổ phần M1, địa chỉ: Số A T, phường T, quận N, thành phố Hà Nội. Tại đây, H1 đưa ra thông tin gian dối tự nhận mình là nhân viên của Công ty M1. Vì tin tưởng H1 là nhân viên Công ty M1 nên anh T1 đã nộp cho H1 số tiền 10.000.000 đồng đặt cọc để tham gia đơn hàng theo yêu cầu của H1, H1 viết phiếu thu số tiền 10.000.000 đồng và thông báo anh T1 nộp số tiền 90.630.000 đồng khi phỏng vấn thành công đơn hàng.

Sau khi nhận số tiền cọc, H1 đã chuyển cho anh Thông số tiền 5.000.000 đồng để anh T1 được tham gia phỏng vấn đơn hàng tại Công ty G, mục đích để khi anh T1 tham gia phỏng vấn thành công thì anh T1 sẽ tin tưởng H1 và nộp nốt số tiền 90.630.000 đồng cho H1. Số tiền còn lại 5.000.000 đồng, H1 sử dụng vào mục đích tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 11/4/2022, khi Công ty G có lịch phỏng vấn, H1 đón anh Tĩnh tại cầu T, quận H, thành phố Hà Nội rồi đưa đến Công ty G để phỏng vấn đơn hàng. Đến ngày 12/4/2022, Công ty G thông báo anh T1 đã đỗ đơn hàng nên H1 báo lại cho ông H yêu cầu anh T1 nộp nốt số tiền 90.630.000 đồng cho H1 để H1 nộp cho Công ty G làm thủ tục đưa anh T1 đi xuất khẩu lao động.

Ngày 18/4/2022, H1 hẹn gặp ông H và anh Tĩnh tại trụ sở Công ty cổ phần N3 - Chi nhánh H4, địa chỉ: Số F Q, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. H1 đưa ra thông tin gian dối là Công ty N3 là đối tác của Công ty M1; H1 đưa ông H và anh T1 đi xem cơ sở vật chất tại tầng 2, tầng 3 để anh T1 tin tưởng nộp tiền. Sau khi giới thiệu, H1 dẫn ông H và anh T1 xuống tầng 1. Tại đây, anh T1 nộp cho H1 số tiền 90.630.000 đồng tiền mặt và H1 thu lại phiếu thu 10.000.000 đồng đã viết cho T1 trước đó (số tiền này chưa bao gồm 10.000.000 đồng đã nộp trước). Mặc dù không phải là kế toán thu, không phải là nhân viên của Công ty G nhưng H1 đã viết “phiếu thu” nội dung nhận tổng số tiền 4.300 USD (tương đương 100.630.000 đồng), lý do thu: “Phí đợt 1 - đơn LK ô tô- Gunma”, kèm theo hồ sơ; anh T1 nộp cho H1 01 hồ sơ gồm: Lý lịch cá nhân, Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Giấy xác nhận lý lịch tư pháp, Chứng minh nhân dân bản sao công chứng. Sau khi thu tiền và hồ sơ của anh T1, H1 bảo anh T1 về nhà chờ lịch để nhập học. Số tiền thu được của anh T1, H1 đã đưa lại cho ông H 30.000.000 đồng (là tiền phí môi giới như thỏa thuận ban đầu), số tiền còn lại H1 chi tiêu cá nhân và trả nợ hết. Vì lo sợ anh T1 phát hiện việc H1 lừa đảo chiếm đoạt tiền, H1 chuyển hồ sơ của anh T1 qua đường bưu điện đến địa chỉ Công ty G để anh T1 tin tưởng vẫn được tiếp nhận đơn hàng.

Ngày 29/4/2022, anh T1 được Công ty G thông báo đơn hàng của anh T1 chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Anh T1 liên lạc với H1 và ông H nhiều lần yêu cầu H1 chuyển số tiền 90.630.000 đồng cho Công ty G, nhưng H1 không thực hiện.

Lúc này, biết bị H1 lừa đảo chiếm đoạt tiền, để anh T1 tiếp tục được tham gia đơn hàng, ông H đã chuyển lại cho anh T1 số tiền 30.000.000 đồng là tiền ông H được H1 trả công khi giới thiệu khách.

Ngày 05/7/2022, anh T1 gửi đơn tố giác hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Quang H1 đến cơ quan Công an quận H, thành phố Hà Nội.

Vật chứng thu giữ: 01(một) phiếu thu số tiền 4300USD ngày 18/4/2022 dưới mục người lập có chữ ký, chữ viết đúng tên Nguyễn Quang H1, do anh T1 giao nộp.

- Tờ khai Chứng minh nhân dân của Nguyễn Quang H1 do Cơ quan điều tra thu thập tại Phòng C (PC06) - Công an tỉnh T cung cấp.

Kết luận giám định số 6615/KL-KTHS ngày 30/11/2022 của V2 Bộ C1, kết luận: Chữ viết phần nội dung và các chữ “Nguyễn Quang H1” trên “Phiếu thu tiền ngày 18/4/2022” do anh T1 cung cấp cho Cơ quan Công an so với chữ viết của Nguyễn Quang H1 trên Tờ khai Chứng minh nhân dân của Nguyễn Quang H1 do Cơ quan điều tra thu thập tại Phòng C (PC06) - Công an tỉnh T là do cùng một người viết ra.

Công ty cổ phần N3 do Ngô Ngọc N1 làm Giám đốc (Giấy phép đăng ký kinh doanh số 1075/LĐTBXH-GP do Bộ L, Thương binh và Xã hội cấp ngày 03/12/2018) cung cấp như sau: Nguyễn Quang H1 và Nguyễn Bá H không phải là nhân viên của Công ty Cổ phần N3, Công ty cũng không tư vấn đơn hàng, không thu tiền của lao động Triệu Văn T1.

Công ty Cổ phần M1 do bà Phạm Thị Thu H2 làm Chủ tịch (Giấy phép đăng ký kinh doanh số 20/LĐTBXH-GP do Bộ L, Thương binh và Xã hội cấp ngày 09/8/2022) cung cấp như sau: Nguyễn Quang H1 và Nguyễn Bá H không phải là nhân viên của Công ty Cổ phần M1, Công ty cũng không tư vấn đơn hàng, không thu tiền của lao động Triệu Văn T1.

Công ty cổ phần N2 - Chi nhánh H3 có địa chỉ tại Số H, B Khu Đô thị E, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên do ông Vương Văn V làm Giám đốc (Giấy phép đăng ký kinh doanh số 1136/LĐTBXH-GP Bộ L, Thương binh và Xã hội cấp ngày

23/10/2019) cung cấp như sau: Nguyễn Quang H1 và Nguyễn Bá H không phải là nhân viên của Công ty. Đơn hàng của lao động Triệu Văn T1 là đơn “Dập kim loại (Cơ khí ô tô) ở tỉnh Gunma, thành phố O, Nishishin 126-1” đơn hàng ngày 20/4/2022, dự kiến nhập cảnh ngày 20/12/2022, đến ngày 08/11/2022 Triệu Văn T1 mới nộp 18.600.000 đồng trong tổng số nghĩa vụ tài chính là 96.000.000 đồng cho Công ty. Sau đó, anh T1 có thực hiện đơn hàng này. Hiện anh T1 đang đi xuất khẩu lao động tại tỉnh Guma, thành phố O.

Ngày 03/11/2022, Cơ quan điều tra có văn bản số 3525/CQCSĐT-CSKT yêu cầu Ngân hàng TMCP K (T4) cung cấp sao kê tài khoản số 19033507868017 của Nguyễn Quang H1. Tại văn bản số 90-HMI/TCB-2022 ngày 16/11/2022 của T4, phúc đáp: Sao kê tài khoản số 19033507868017 của Nguyễn Quang H1, ngày 18/4/2022 phát sinh giao dịch nộp số tiền 60.000.000 đồng vào tài khoản và phát sinh giao dịch chuyển 10.000.000 đồng đến tài khoản 19033390482023 Ngân hàng T4 chủ tài khoản Nguyễn Đức M, chuyển 25.000.000 đồng đến tài khoản 1025357060 Ngân hàng V3 chủ tài khoản Lê Thị Thu T3, chuyển 25.000.0000 đồng đến tài khoản 22010000962574 Ngân hàng B chủ tài khoản Phạm Hồng V1.

Kết quả điều tra xác định: Sau khi H1 chiếm đoạt được tiền của anh Tỉnh T1, H1 đã nộp tiền vào tài khoản rồi chuyển khoản trả nợ cho anh Nguyễn Đức M, anh Phạm Hồng V1, anh V1 và anh M không biết việc H1 đã dùng số tiền chiếm đoạt được của anh T1 trả nợ. Chị Lê Thị Thu T3 trình bày không sử dụng số tài khoản 1025357060 V3; không nhận tiền cũng như hồ sơ để đưa người nào có tên Triệu Văn T1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản.

Về trách nhiệm dân sự: ngày 07/11/2023, ông Nguyễn Hữu N là bố đẻ của Nguyễn Quang H1 đã trả cho anh Nguyễn Văn S, là người đại diện theo ủy quyền của anh Triệu Văn T1 số tiền 55.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; ông N không có yêu cầu gì đối với bị cáo. Anh S đã nhận tiền và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với H1. Ông Nguyễn Bá H tự nguyện trả lại anh T1 số tiền 30.000.000 đồng là tiền H1 đưa phí môi giới như thỏa thuận ban đầu giữa H1 và ông H; ông H không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Nguyễn Quang H1 khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 405/CT-VKS-HĐ ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Quang H1 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật

Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội luận tội cho rằng tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận tội phù hợp các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên giữ nguyên nội dung truy tố. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, cần xử lý nghiêm. Tuy nhiên, bị cáo nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường cho bị hại; người đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H1 tù 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả bị hại số tiền 15.630.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn có ý kiến đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo; yêu cầu bị cáo trả số tiền còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về đánh giá chứng cứ trong vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Quang H1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án,

đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Quang H1 biết anh Triệu Văn T1 có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, mặc dù H1 không được Nhà nước cấp giấy phép hoạt động dịch vụ và cũng không làm việc cho tổ chức có chức năng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, nhưng do cần tiền chi tiêu cá nhân, H1 đã gian dối giới thiệu là nhân viên của các công ty có chức năng, giấy phép được đưa người đi lao động tại nước ngoài. H1 giới thiệu với anh T1 (thông qua ông Nguyễn Bá H) có đơn hàng “Linh kiện ô tô ở G”, mỗi lao động phải nộp 4.300 USD. Anh T1 tin tưởng, đồng ý chuyển hồ sơ và tiền cho H1. Ngày 23/3/2022, H1 nhận của anh T1 hồ sơ và số tiền 10.000.000 đồng đặt cọc để tham gia đơn hàng. Sau khi nhận số tiền cọc, H1 đã nộp số tiền 5.000.000 đồng để T1 được tham gia phỏng vấn đơn hàng tại Công ty G, mục đích để khi T1 tham gia phỏng vấn thành công thì T1 sẽ tin tưởng H1 và nộp nốt số tiền 90.630.000 đồng cho H1. Số tiền còn lại 5.000.000 đồng, H1 sử dụng vào mục đích tiêu sài cá nhân hết. Ngày 12/4/2022, Công ty G thông báo anh T1 đỗ đơn hàng nên H1 yêu cầu anh T1 nộp nốt số tiền 90.630.000 đồng. Ngày 18/4/2022, anh T1 nộp cho H1 90.630.000 đồng. H1 không nộp tiền cho Công ty G mà sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết ngay sau khi nhận tiền của anh T1.

Mặc dù sau khi nhận hồ sơ và 10.000.000 đồng tiền đặt cọc, H1 có nộp cho công ty M2, anh T1 có được phỏng vấn nhưng đây là thủ đoạn để anh T1 tin tưởng nộp tiếp cho H1 90.630.000 đồng. Do đó, H1 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền đã nhận của anh T1 là 100.630.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Quang H1 là người có nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 100.630.000 đồng của anh T1 nên hành vi của bị cáo thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản nêu trong Cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có kiến thức, có sức khỏe nhưng không lao động để kiếm tiền mà dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác để chi tiêu. Hành vi của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an xã hội, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ bố để bồi thường cho bị hại; bị cáo có ông nội là thương binh; bị hại (thông qua người đại diện theo ủy quyền) có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào hình phạt tù, cứ mỗi ngày tạm giữ, tạm giam được tính trừ một ngày tù.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền 100.630.000 đồng, trong số tiền đó bị cáo đưa ông H 30.000.000 đồng tiền công giới thiệu lao động. Bị hại đã được ông H trả lại 30.000.000 đồng; bố bị cáo trả 55.000.000 đồng. Trong đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị hại yêu cầu bị cáo trả số tiền còn lại, do đó cần buộc bị cáo trả bị hại số tiền 15.630.000 đồng.

- Ông Nguyễn Hữu N là bố đẻ của bị cáo đã trả bị hại số tiền 55.000.000 đồng thay cho bị cáo, ông N tự nguyện và không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xét.

- Ông Nguyễn Bá H tự nguyện trả bị hại 30.000.000 đồng tiền công giới thiệu lao động, ông H không yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với ông Nguyễn Bá H là người giới thiệu lao động cho Nguyễn Quang H1. Kết quả điều tra xác định: Ông H tin tưởng H1 có chức năng đưa người đi lao động tại Nhật Bản và được H1 hứa hẹn nếu giới thiệu thành công được H1 trả công số tiền 30.000.000 đồng; ông H không biết việc H1 đưa ra thông tin gian dối để anh T1 nộp tiền cho H1 nên khi biết anh T1 bị H1 lừa đảo, ông H đã tự nguyện trả lại cho anh T1 số tiền 30.000.000 đồng là số tiền H1 đã trả công cho ông H trước đó. Do vậy, hành vi của ông H không đồng phạm với Nguyễn Quang H1 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với ông H mà giáo dục, răn đe là thỏa đáng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang H1 phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H1 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/10/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

- Buộc bị cáo Nguyễn Quang H1 trả bị hại Triệu Văn T1 số tiền 15.630.000 (mười lăm triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Ông Nguyễn Hữu N là bố đẻ của bị cáo đã trả bị hại số tiền 55.000.000 đồng thay cho bị cáo, ông N tự nguyện và không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xét.

- Ông Nguyễn Bá H tự nguyện trả bị hại 30.000.000 đồng tiền công giới thiệu lao động, ông H không yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Quang H1 phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 782.000 (bảy trăm tám mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Áp dụng các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án 11/01/2024; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú, hoặc cư trú cuối cùng.

Nơi nhận:

- Công an quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Ánh